



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN

Địa chỉ: 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0252.3822474

Website: <http://www.btwaseco.com.vn>; Email: [contact@btwaseco.com.vn](mailto:contact@btwaseco.com.vn)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: 221 /QM-QLCL

- Tên mẫu/Name of sample: Nước ăn uống sinh hoạt – Vòi sau xử lý NMN Tân Thành (MSM: 0221-25)
- Tên/địa chỉ khách hàng:  
Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Bình Hiệp
- Mô tả mẫu/Description: Mẫu đựng trong chai 1 lít, đóng nắp kín, còn nguyên vẹn. Mẫu được bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 14/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Lê Quốc Hưng
- Thời gian thử nghiệm/ testing time: Từ 14/07/2025 – 19/07/2025

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thiên Oanh

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BT

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trí Minh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: 221 /QM-QLCL

### 7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

**MSM: 0221-25**

| TT No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                      | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result                 | Giới hạn cho phép<br>Regular limit<br>QCVN 01-1:2024/BYT | Phương pháp thử<br>Test method |
|-------|---------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1     | Pecmanganat                                                         | mg/L           | 0.69                              | 2                                                        | TCVN 6186-1996 (*)             |
| 2     | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L           | Không phát hiện<br>(LOD = 0.03)   | 1.0                                                      | TCVN 6179-1:1996 (**)          |
| 3     | Độ đục                                                              | NTU            | 0.40                              | 2                                                        | TCVN 12402-1:2020 (*)          |
| 4     | Màu sắc                                                             | TCU            | Không màu                         | 15                                                       | SMEWW 2120-C:2023 (*)          |
| 5     | Mùi                                                                 | -              | Không                             | Không có mùi lạ                                          | Cảm quan                       |
| 6     | pH                                                                  | -              | 6.86                              | 6.0-8.5                                                  | TCVN 6492-2011 (*)             |
| 7     | Clo dư                                                              | mg/L           | 0.8                               | 0.2-1.0                                                  | Test nhanh                     |
| 8     | Asen                                                                | mg/L           | Không phát hiện<br>(LOD = 0.0002) | 0.01                                                     | EPA Method 200.8 (**)          |
| 9     | Coliform                                                            | CFU/100mL      | 0                                 | < 1                                                      | TCVN 6187-1:2019 (**)          |
| 10    | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100mL      | 0                                 | < 1                                                      | TCVN 6187-1:2019 (**)          |

*[Signature]*

#### Ghi chú:

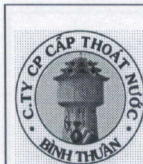
LOD: giới hạn phát hiện

(\*) : Phép thử đã được công nhận ISO/IEC 17025 :2017

(\*\*) : Gửi nhà thầu phụ (đã được công nhận ISO/IEC 17025 :2017)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department





# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN

Địa chỉ: 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0252.3822474

Website: <http://www.btwaseco.com.vn>; Email: [contact@btwaseco.com.vn](mailto:contact@btwaseco.com.vn)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: *222* /QM-QLCL

- Tên mẫu/Name of sample: Nước ăn uống sinh hoạt – Hộ Bùi Quang Bang, thôn Văn Khê, xã Tân Thành (MSM: 0222-25)
- Tên/địa chỉ khách hàng:  
Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Bình Hiệp
- Mô tả mẫu/Description: Mẫu đựng trong chai 1 lít, đóng nắp kín, còn nguyên vẹn. Mẫu được bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 14/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Lê Quốc Hưng
- Thời gian thử nghiệm/ testing time: Từ 14/07/2025 – 19/07/2025

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thiên Oanh

Lâm Đồng, ngày *24* tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BT

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trí Minh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department





# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN

Địa chỉ: 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0252.3822474

Website: <http://www.btwaseco.com.vn>; Email: [contact@btwaseco.com.vn](mailto:contact@btwaseco.com.vn)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: 333 /QM-QLCL

### 7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

MSM: 0222-25

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                      | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result                 | Giới hạn cho phép<br>Regular limit<br>QCVN 01-1:2024/BYT | Phương pháp thử<br>Test method |
|----------|---------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1        | Pecmanganat                                                         | mg/L           | < LOQ<br>(LOQ = 0.5)              | 2                                                        | TCVN 6186-1996 (*)             |
| 2        | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L           | Không phát hiện<br>(LOD = 0.03)   | 1.0                                                      | TCVN 6179-1:1996 (**)          |
| 3        | Độ đục                                                              | NTU            | 0.40                              | 2                                                        | TCVN 12402-1:2020 (*)          |
| 4        | Màu sắc                                                             | TCU            | Không màu                         | 15                                                       | SMEWW 2120-C:2023 (*)          |
| 5        | Mùi                                                                 | -              | Không                             | Không có mùi lạ                                          | Cảm quan                       |
| 6        | pH                                                                  | -              | 6.77                              | 6.0-8.5                                                  | TCVN 6492-2011 (*)             |
| 7        | Clo dư                                                              | mg/L           | 0.9                               | 0.2-1.0                                                  | Test nhanh                     |
| 8        | Asen                                                                | mg/L           | Không phát hiện<br>(LOD = 0.0002) | 0.01                                                     | EPA Method 200.8 (**)          |
| 9        | Coliform                                                            | CFU/100mL      | 0                                 | < 1                                                      | TCVN 6187-1:2019 (**)          |
| 10       | E.coli hoặc<br>Coliform chịu nhiệt                                  | CFU/100mL      | 0                                 | < 1                                                      | TCVN 6187-1:2019 (**)          |

#### Ghi chú:

LOD: giới hạn phát hiện

LOQ: giới hạn định lượng

(\*) : Phép thử đã được công nhận ISO/IEC 17025 :2017

(\*\*) : Gửi nhà thầu phụ (đã được công nhận ISO/IEC 17025 :2017)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department





# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN

Địa chỉ: 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0252.3822474

Website: <http://www.btwaseco.com.vn>; Email: [contact@btwaseco.com.vn](mailto:contact@btwaseco.com.vn)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: 223 /QM-QLCL

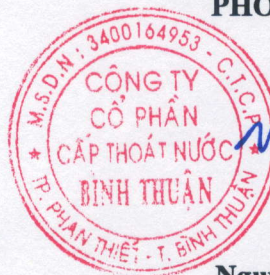
- Tên mẫu/Name of sample: Nước ăn uống sinh hoạt – Hộ Nguyễn Thị Diệp Oanh, thôn Kê Gà, xã Tân Thành (MSM: 0223-25)
- Tên/địa chỉ khách hàng:  
Name/Address of customer: Công ty Cổ phần Bình Hiệp
- Mô tả mẫu/Description: Mẫu đựng trong chai 1 lít, đóng nắp kín, còn nguyên vẹn. Mẫu được bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 14/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Lê Quốc Hưng
- Thời gian thử nghiệm/ testing time: Từ 14/07/2025 – 19/07/2025

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thiên Oanh

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BT  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trí Minh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: 223 /QM-QLCL

### 7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

MSM: 0223-25

| TT No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                      | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result               | Giới hạn cho phép<br>Regular limit<br>QCVN 01-1:2024/BYT | Phương pháp thử<br>Test method |
|--------|---------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1      | Pecmanganat                                                         | mg/L           | 0.69                            | 2                                                        | TCVN 6186-1996 (*)             |
| 2      | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L           | Không phát hiện<br>(LOD = 0.03) | 1.0                                                      | TCVN 6179-1:1996 (**)          |
| 3      | Độ đục                                                              | NTU            | 0.41                            | 2                                                        | TCVN 12402-1:2020 (*)          |
| 4      | Màu sắc                                                             | TCU            | Không màu                       | 15                                                       | SMEWW 2120-C:2023 (*)          |
| 5      | Mùi                                                                 | -              | Không                           | Không có mùi lạ                                          | Cảm quan                       |
| 6      | pH                                                                  | -              | 6.74                            | 6.0-8.5                                                  | TCVN 6492-2011 (*)             |
| 7      | Clo dư                                                              | mg/L           | 0.8                             | 0.2-1.0                                                  | Test nhanh                     |
| 8      | Asen                                                                | mg/L           | < LOQ<br>(LOQ = 0.0006)         | 0.01                                                     | EPA Method 200.8 (**)          |
| 9      | Coliform                                                            | CFU/100mL      | 0                               | < 1                                                      | TCVN 6187-1:2019 (**)          |
| 10     | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt                                     | CFU/100mL      | 0                               | < 1                                                      | TCVN 6187-1:2019 (**)          |

#### Ghi chú:

LOD: Giới hạn phát hiện

LOQ: giới hạn định lượng

(\*) : Phép thử đã được công nhận ISO/IEC 17025 :2017

(\*\*) : Gửi nhà thầu phụ (đã được công nhận ISO/IEC 17025 :2017)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department